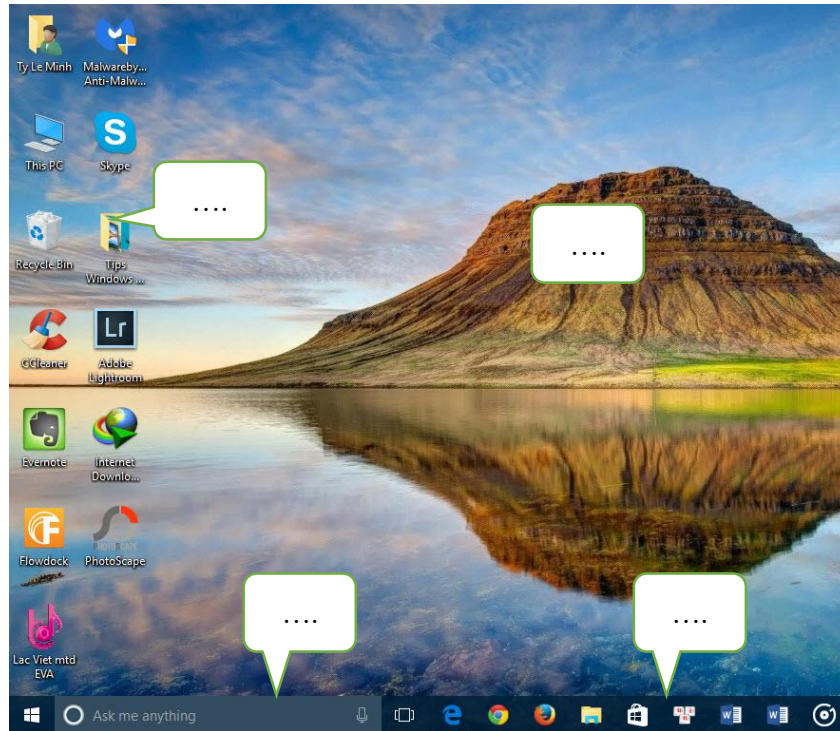


BÀI THỰC HÀNH 01. CÁC THAO TÁC CƠ BẢN TRONG WINDOWS 10

1. Thao tác với các thành phần trên Desktop

Xác định các thành phần trên Desktop: Biểu tượng (Icon), thanh TaskBar, nút Start, Desktop



Vị trí các đối tượng trên màn hình Windows

2. Sắp xếp các biểu tượng (Icon)

- Bước 1. Sắp xếp các icon tự động hay theo các yêu cầu: Tên, dung lượng của đối tượng,...
- Bước 2. Sắp xếp các icon theo ý muốn của người dùng bằng cách dịch chuyển vị trí các icon

3. Di chuyển và thay đổi kích thước thanh TaskBar

- Bỏ chọn ☒ Lock the taskbar.
- Kéo thanh taskbar đến vị trí mới (góc phải, trái, trên, dưới của màn hình).
- Cố định lại vị trí của thanh Taskbar

4. Thay đổi nền cho Desktop

- Bước 1. Thay đổi hình nền Desktop hiện tại bằng một hình nền khác
- Bước 2. Thiết lập các thuộc tính khác cho hình nền Desktop

5. Sắp xếp cửa sổ các chương trình

- Mở biểu tượng This PC trên desktop.

- Mở chương trình Microsoft Office Word 2013
- Mở chương trình MS.Paint

Chú ý: Các cửa sổ này không được để ở chế độ Minimize

Chọn 1 trong các dạng sắp xếp sau:

- Mái ngói (Cascade windows); Theo kiểu hàng đợi (Show windows stacked); Theo kiểu xen kẽ nhau (Show windows side by side)

6. Tìm kiếm tập tin, thư mục

- Chọn biểu tượng chức năng Search trên thanh công cụ (thanh Toolbar).
- Điền các thông tin về thư mục hoặc tập tin cần tìm kiếm.

7. Tạo shortcut

Trên Desktop, tạo thư mục My Program. Trong thư mục này tạo các shortcut sau:

- Winword biết tập tin thực hiện là WINWORD.EXE
- Excel biết tập tin thực hiện là EXCEL.EXE
- Sau khi tạo xong, hãy khởi động chương trình từ Shortcut vừa tạo.
- Trên Desktop tạo thêm shortcut cho chương trình MS.PAINT.
- Thay đổi tên shortcut MS Paint thành TapVe.

8. Gán, gỡ thuộc tính – Đổi tên – Đổi biểu tượng

- Đổi tên shortcut Winword trong thư mục My Program thành SoanThao.
- Đổi tên shortcut Excel trong thư mục My Program thành BangTinh.
- Gán thuộc tính chỉ đọc (Read Only) cho thư mục My Program.
- Gán thuộc tính ẩn (Hidden) cho thư mục My Program.
- Thay đổi hình ảnh biểu tượng (Icon) thư mục My Program
- Hiện thị các đối tượng bị ẩn trong thư mục My Program

9. Phục hồi thư mục, shortcut bị xóa

- Mở thư mục My Program và nhấp chọn Shortcut SoanThao → nhấn phím Delete
- Phục hồi lại shortcut bị xóa ở câu trên
- Xóa hẳn shortcut SoanThao

BÀI THỰC HÀNH 02. QUẢN LÝ THƯ MỤC VÀ TẬP TIN

1. Tạo cây thư mục có cấu trúc như hình bên cạnh

2. Thực hiện đổi tên các thư mục

- Đổi tên thư mục ANHVAN thành ENGLISH
- Đổi tên thư mục TOAN thành MATH
- Đổi tên thư mục TIENGVIENT thành VIETNAMESE
- Đổi tên thư mục LT.THCS thành INFORMATICS

3. Sao chép thư mục

- Chép thư mục MATH vào thư mục ENGLISH
- Chép thư mục INFORMATICS vào thư mục TINHOCCHUYENNGANH
- Chép thư mục TINHOC vào thư mục VIETNAMESE
- Chép thư mục TINHOCCHUYENNGANH vào thư mục TH.THCS
- Vào C:\Windows\System, tìm tất cả các tập tin có phần mở rộng *.INI và chép vào thư mục TINHOC trong VIETNAMESE.

4. Di chuyển thư mục

- Di chuyển thư mục MATH (trong thư mục ENGLISH) vào thư mục VIETNAMESE.
- Di chuyển thư mục TINHOC (trong VIETNAMESE) vào thư mục TINHOCCHUYENNGANH.
- Di chuyển thư mục INFORMATICS vào thư mục TOAN CAO CAP.
- Di chuyển thư mục VIETNAMESE về thư mục gốc của ổ đĩa D:

5. Xóa và phục hồi thư mục

- Xóa thư mục MATH.
- Phục hồi thư mục MATH vừa xóa.

6. Đặt thuộc tính cho thư mục

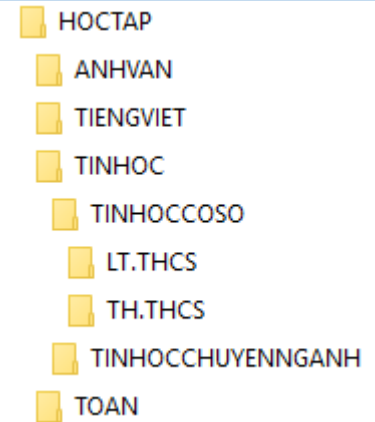
- Hãy gán thuộc tính chỉ đọc (Read Only) cho 2 thư mục MATH và TINHOC.
- Hãy gán thuộc tính ẩn ENGLISH.
- Gỡ bỏ các thuộc tính chỉ đọc cho thư mục TINHOC.

7. Thay đổi tùy chọn (Option) của File Explorer (F.E)

- Điều chỉnh File Explorer sao cho không thể thấy các tập tin và thư mục ẩn
- Có nhận xét gì về thư mục ENGLISH và MATH
- Hãy điều chỉnh File Explorer để có thể xem các tập tin và thư mục ẩn
- Tương tự: điều chỉnh File Explorer sao cho không thấy phần mở rộng của các tập tin.
- Sau đó, điều chỉnh lại tình trạng như ban đầu.

8. Nén và giải nén

- Dùng chứng năng nén của hệ điều hành Windows để nén thư mục TINHOC trong TINHOCCHUYENNGANH. Xem lại dung lượng sau khi nén.
- Giải nén tập tin TINHOC và đặt trong thư mục HOCTAP.
- Xóa thư mục HOCTAP.



9. Thay đổi cách hiển thị

- Hiển thị/Tắt phần mở rộng của tập tin
- Thay đổi các cách hiển thị của File Explorer trong group Layout của Tab View

BÀI THỰC HÀNH 03. CONTROL PANEL, CALCULATOR, SYSTEM, FONT

Máy tính con (Calculator)

Sử dụng công cụ Calculator để chuyển đổi số giữa các hệ đếm sau

Hệ 10 (Decimal)	Hệ 2 (Binary)	Hệ 8 (Octa)	Hệ 16 (Hexa)
165	?		
?	1001101		?
?		?	1AF
?	?	456	?

Tùy chỉnh các tùy chọn trong Control Panel

- Mục Region:

Chỉnh sửa ngày và giờ của hệ thống, ngôn ngữ, vùng.

- Mục Mouse

Điều chỉnh tốc độ D_click của chuột.

Thay đổi biểu tượng cho các hành động: Normal Select, Help Select, Working in Background,...

Đánh dấu vị trí chuột khi nhấp phím Control (Show location of ...)

Tạo vệt dài (dấu/trails) khi di chuyển chuột.

Các thông tin ở mục System Information

Xem thông tin phần cứng cơ bản của Máy tính, thông tin của hệ điều hành

BÀI THỰC HÀNH 04. SỬ DỤNG CÔNG CỤ CHỤP ẢNH MÀN HÌNH

Các chế độ chụp ảnh màn hình

Với công cụ Snipping tool, người dùng có thể lựa chọn chụp ảnh ở chế độ toàn bộ màn hình hiển thị, hoặc chỉ chụp ảnh với khung hình là cửa sổ ứng dụng hiện hành, hoặc lựa chọn khu vực bất kỳ.

1. Chụp ảnh với toàn bộ màn hình (Full-screen Snip)

Giống như chức năng của phím Print Screen, công cụ Snipping tool cũng cho phép người dùng thực hiện chức năng tương tự.

Từ cửa sổ của ứng dụng, hãy lựa chọn chức năng Full-screen Snip trong menu Mode và cho nhận xét

2. Chụp ảnh với chế độ cửa sổ ứng dụng (Windows Snip)

Tương tự như chức năng Screen Shot trong Word hay chức năng của tổ hợp phím Alt+Print screen, người dùng được quyền lựa chọn cửa sổ ứng dụng bất kỳ để làm khung hình cần chụp. Tuy nhiên với chức năng Windows Snip người dùng được quyền lựa chọn 1 hay nhiều cửa sổ làm mục tiêu.

Mở cửa sổ Windows Explorer và sử dụng chế độ Windows Snip từ menu Mode và chọn New từ menu chính của Snipping tool. Cho nhận xét

3. Chụp ảnh với khung hình tự chọn Rectangular Snip

Với tính năng Rectangular Snip, người dùng chỉ chọn 1 vùng bất kỳ được giới hạn bởi khung hình chữ nhật. Hãy thực hiện tính năng này trong menu Mode của Snipping tool và cho nhận xét

4. Chụp ảnh với khung hình tự chọn Free-form Snip

Tương tự như bước 3, nhưng chọn **Free-form Snip** từ menu **Mode**

5. Tìm hiểu menu Delay trong ứng dụng Snipping tool

Chức năng Delay dùng để kéo dài thời gian tạo ra một cửa sổ chụp ảnh mới, hiệu chỉnh các khung thời gian khác nhau và cho nhận xét

6. Thêm các lựa chọn ở mục Options và tiến hành lại 1 số bước ở trên

Chụp ảnh và lưu vào tập tin

- Bước 1. Mở cửa sổ ứng dụng Snipping tool → chọn **Mode = Windows Snip** → chụp cửa sổ ứng dụng bất kỳ
- Bước 2. Nhấp menu **Save** để lưu hình ảnh ở thư mục **Desktop** và đặt tên là **Background.png**

Chụp ảnh và lưu vào clipboard

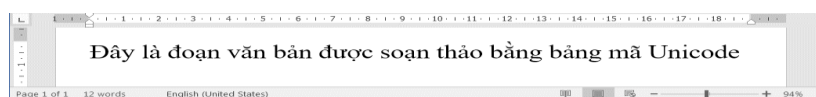
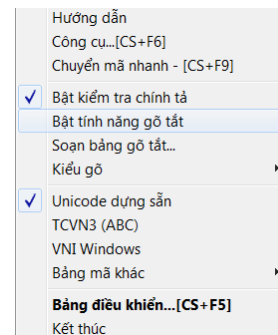
Thông thường khi sử dụng công cụ Snipping tool, chức năng lưu tạm nội dung hình ảnh vào clipboard được thiết lập mặc định (xem phần thiết lập Options...). Tuy nhiên nếu tính năng bị vô hiệu hóa, người dùng vẫn có thể thực hiện như sau:

- Bước 1. Mở cửa sổ ứng dụng Snipping tool → chọn **Mode = Windows Snip** → chụp cửa sổ ứng dụng bất kỳ
- Bước 2. Nhấp biểu tượng **Copy** trên giao diện Snipping tool
- Bước 3. Mở ứng dụng soạn thảo văn bản Word và sử dụng tổ hợp phím **Ctrl + V** và xem kết quả

BÀI THỰC HÀNH 05. CHUYỂN MÃ VĂN BẢN

1. Sử dụng công cụ Unikey để chuyển đổi mã văn bản Unicode sang VNI

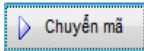
- Bước 1. R_Click cửa sổ ứng dụng Unikey → tick (✓) Unicode đang sẵn.
- Bước 2. Mở ứng dụng soạn thảo văn bản Word và nhập nội dung văn bản:
Đây là đoạn văn bản được soạn thảo bằng bảng mã Unicode.
- Bước 3. Định dạng đoạn văn bản trên như sau:
 - Tab HOME → group Font → Font type: Times New Roman
- Bước 4. Bôi đen đoạn văn bản trên và lựa chọn lại như sau:
 - Tab HOME → group Font → Font type: VNI-Times
- Bước 5. Xem kết quả

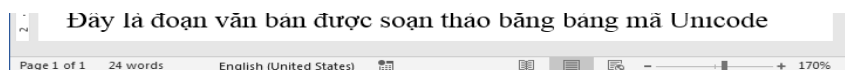


Font type: Times New Roman



Font type: VNI-Times

- Bước 6. Bôi đen đoạn văn bản ở trên sau khi áp dụng font chữ VNI-Times → nhấn tổ hợp phím Ctrl + C để copy đoạn văn bản vào clipboard
- Bước 7. Mở hộp hội thoại công cụ chuyển mã của Unikey bằng cách nhấn tổ hợp phím Ctrl + Shift + F6 hoặc lựa chọn thông qua menu công cụ của Unikey bằng cách R_Click lên ứng dụng Unikey → chọn **Công cụ...**
- Bước 8. Ở cửa sổ thiết lập hãy chọn:
 - Nguồn: Unicode
 - Đích: VNI Windows
- Bước 9. Bấm nút chuyển mã  Bảng thông báo chuyển đổi thành công “Successful converted RTF clipboard” → Nhấp OK
- Bước 10. Mở cửa sổ Word và vẫn bôi đen đoạn văn bản trước đó → nhấn tổ hợp phím Ctrl + V → Xem kết quả và nhận xét.



Font type: Times New Roman



Font type: VNI-Times

2. Sử dụng công cụ Unikey để chuyển đổi mã văn bản VNI sang Unicode

- Bước 1. Click phải chuột lên cửa sổ ứng dụng Unikey → tick (✓) chọn VNI Windows

Bước 2. Mở ứng dụng soạn thảo văn bản Word và nhập nội dung văn bản:

Đây là đoạn văn bản được soạn thảo bằng bảng mã VNI Windows

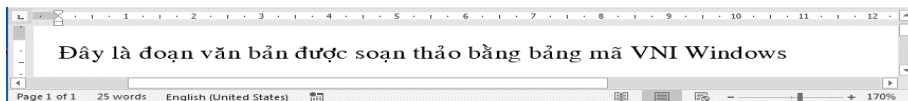
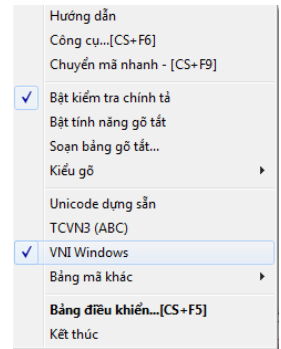
- Bước 3. Định dạng đoạn văn bản trên như sau:

- Tab HOME → group Font → Font type: VNI-Times

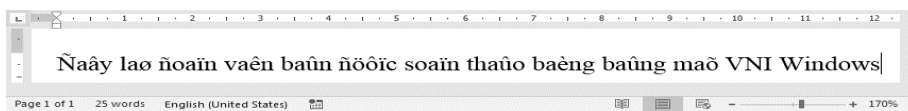
- Bước 4. Bôi đen đoạn văn bản trên và lựa chọn lại như sau:

- Tab HOME → group Font → Font type: Times New Roman

- Bước 5. Xem kết quả



Font type: VNI-Times



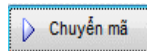
Font type: Times New Roman

- Bước 6. Bôi đen đoạn văn bản ở trên sau khi áp dụng font chữ Times New Roman → nhấn tổ hợp phím Ctrl + C để copy đoạn văn bản vào clipboard

- Bước 7. Mở hộp thoại công cụ chuyển mã của Unikey bằng cách nhấn tổ hợp phím Ctrl + Shift + F6 hoặc lựa chọn thông qua menu công cụ của Unikey bằng cách Click lên ứng dụng Unikey → chọn Công cụ...

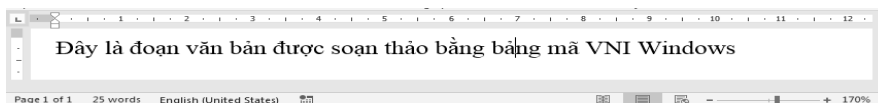
- Bước 8. Ở cửa sổ thiết lập hãy chọn:

- Nguồn: VNI Windows
- Đích: Unicode



- Bước 9. Bấm nút chuyển mã → Bảng thông báo chuyển đổi thành công “Successful converted RTF clipboard” → Nhấp OK

- Bước 10. Mở cửa sổ Word và vẫn bôi đen đoạn văn bản trước đó → nhấn tổ hợp phím Ctrl + V → Xem kết quả và nhận xét



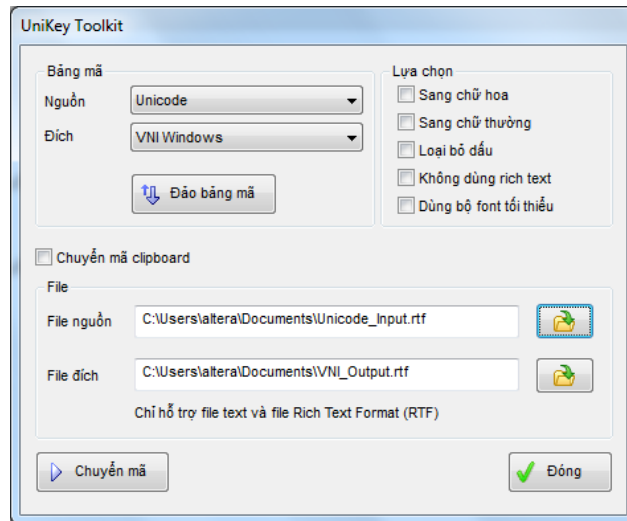
Font type: Times New Roman



Font type: VNI-Times

3. Sử dụng công cụ Unikey để chuyển đổi mã văn bản từ tập tin văn bản

Sử dụng chức năng giống như trên nhưng đầu vào là tập tin văn bản. Thiết lập các chức năng như sau:



Chú ý:

Định dạng RTF (RTF là viết tắt của từ tiếng Anh Rich Text Format, nghĩa là định dạng văn bản giàu tính chất) là một định dạng tập tin dùng cho văn bản máy tính, được phát triển bởi Công ty Microsoft từ năm 1987 cho các sản phẩm của Microsoft và cho các văn bản đa nền tảng, có thể được trao đổi giữa nhiều hệ thống máy tính và chương trình soạn thảo khác nhau.

Ứng dụng này không hỗ trợ cho tập tin DOC hay DOCX

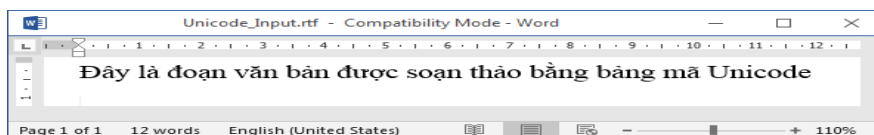
Bước 1. Thiết lập thông số:

- Bỏ dấu chọn (✓) cho mục Chuyển mã clipboard thì mới cho phép lựa chọn tập tin đầu vào
- Đặt đường dẫn cho các tập tin.
 - File nguồn: Dữ liệu đầu vào là tập tin có bảng mã VNI Windows hoặc Unicode
 - File đích: Dữ liệu đầu ra là tập tin với bảng mã là Unicode hoặc VNI Windows
- Thêm các lựa chọn như trên nếu có

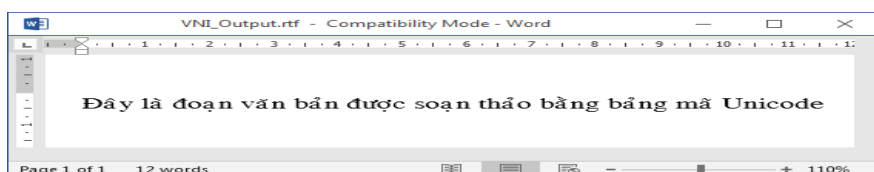
Bước 2. Nhấp nút Chuyển mã

Bước 3. Nhấp nút Đóng

Bước 4. Mở tập tin kết quả và nhận xét



Font type: Times New Roman



Font type: VNI-Times